

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU PHONG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST*

*Ngày: 10.-9-2021*

*V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con giữa chị Trịnh Thị Thanh Huệ  
với anh Trần Văn Phong”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Hồng Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thúy Vân.

2. Bà Lê Thị Hồng Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:**  
Bà Ngô Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Thanh H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Tân Kiên, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Tân Kiên, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có đơn xin xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2021, biên bản hòa giải ngày 26/7/2021, ngày 25/8/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh H trình bày:*

Chị Trịnh Thị Thanh H và anh Trần Văn P yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 12/8/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ anh P ở thôn Trung Kiên, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị khoảng một năm thì xây nhà ở riêng tại thôn Tân Kiên, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống, khoảng vài tháng đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nên thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Mỗi lần đi nhậu về là anh P kiếm cớ gây gổ chị H. Mâu thuẫn đó cứ lặp đi lặp lại và ngày càng trầm trọng hơn, nhưng vì thương con nên chị H cố gắng chịu đựng với hy vọng anh Phong sẽ thay đổi. nhưng anh P vẫn chứng nào tật nấy không chịu thay đổi. Hiện tại, mặc dù sống chung trong một nhà nhưng tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nay chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục

đích, vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Trịnh Thị Thanh H được ly hôn anh Trần Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Quang P, sinh ngày 05/12/2015. Nếu ly hôn, nguyện vọng của chị H muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu P, yêu cầu anh Trần Văn P cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P thành niên và có khả năng lao động.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản trình bày ý kiến ngày 13/7/2021; biên bản hòa giải ngày 26/7/2021, ngày 25/8/2021, bị đơn anh Trần Văn P trình bày:*

Anh Trần Văn P và chị Trịnh Thị Thanh H yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 12/8/2014. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thỉnh thoảng vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau; nguyên nhân là do đặc thù công việc nên thỉnh thoảng anh P cũng có uống rượu, bia với thợ làm cùng anh P và đôi khi do áp lực công việc nên về nhà anh P có gây gổ, đánh chị H một vài lần. Nhưng sau đó anh P nhận ra bản thân có sai sót, có lỗi với vợ và xin chị H tha thứ, bỏ qua. Tuy nhiên anh P nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để dẫn đến ly hôn, hiện nay vẫn chung sống với nhau trong một nhà. Anh P không muốn ly hôn vì hiện nay anh P vẫn đang còn tình cảm với chị H, với lại con chung còn quá nhỏ, sợ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Quang P, sinh ngày 05/12/2015. Trong trường hợp ly hôn anh Phong không đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng mà anh P có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu P. Không yêu cầu chị Huệ phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng 147, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Xử cho chị Trịnh Thị Thanh H được ly hôn anh Trần Văn P. Về con chung: Xử giao cháu Trần Quang P, sinh ngày 05/12/2015 cho chị Trịnh Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P thành niên và có khả năng lao động.

- Về án phí: Buộc chị H và anh P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Trần Văn P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn P theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ Hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Thanh H với anh Trần Văn P là hôn nhân hợp pháp, yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 12/8/2014. Theo chị H trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nên thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau; mỗi lần đi nhậu về anh P kiếm có gây gỗ, đánh đập chị H. Quá trình giải quyết vụ án, phía anh P thừa nhận trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thỉnh thoảng anh P cũng có uống rượu, bia với thợ làm cùng anh P và đôi khi do áp lực công việc về nhà có gây gỗ, đánh chị H một vài lần. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì vợ chồng chị H anh P thường xuyên gây gỗ nhau, mỗi lần anh P đi uống bia, rượu về thì vợ chồng lại xích mích, gây gỗ nên mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị Thanh H, xử cho chị Trịnh Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần Văn P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Quang P, sinh ngày 05/12/2015. Nếu ly hôn, cả chị H và anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao cháu P cho ai nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung; thấy rằng hiện tại cả chị H và anh P đều có công ăn việc làm ổn định, chị H làm công nhân may công nghiệp thu nhập mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng; còn anh P làm nghề cơ khí mức thu nhập mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Mặc dù anh P có thu nhập cao hơn chị H nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh P thừa nhận thường xuyên uống bia, rượu; hơn nữa hiện tại cháu P còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ do đó việc giao con cho anh P nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến mọi mặt của cháu P. Xét thấy cần thiết giao cháu Trần Quang P cho chị Trịnh Thị Thanh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu P, đồng thời phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị Thanh H và anh Trần Văn P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về mặt tình cảm: Xử cho chị Trịnh Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Quang P, sinh ngày 05/12/2015 cho chị Trịnh Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004816 ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Buộc anh Trần Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong;
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Phước**





**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**





